



Original Article

Ecolabeling for Green Economic Development in the Buffer Zones and Transition Areas of the World Biosphere Reserves in Vietnam

Ha Van Dinh^{1,*}, Nguyen An Thinh², Le Ngoc Anh²

¹*National Institute of Agricultural Planning and Projection (NIAPP),
Ministry of Agriculture and Rural Development,*

61 Hang Chuoi, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam

²*VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*

Received 09 May 2020

Revised 24 August 2021; Accepted 25 October 2021

Abstract: Ecolabeling of a biosphere reserve refers to the use of the logo of a biosphere reserve associated with ecological, environmental, and other conditions (criteria) which are assigned to a product or a service so as to meet certain requirements. The value of an ecolabel is considered as the value of the ecological environment, and the biodiversity of a biosphere reserve. This paper provides a theoretical basis for a green-growth, ecolabel i.e.: Builds green economy orientations in the buffer zones and transition areas of biosphere reserves on the basis of adhering to the goals and orientations of the National Strategy for Green Growth; Proposes an ecolabeling condition framework/criteria to promote a green economy in the buffer zones and transition areas of the biosphere reserve in meeting Vietnam's and UNESCO's sustainable development policy on green growth in biosphere reserves that are recognized by UNESCO.

Keywords: Ecolabel, green economy, biosphere reserves.

* Corresponding author

E-mail address: kyanhpvkt@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4430>

Dán nhãn sinh thái để phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam

Hà Văn Định^{1,*}, Nguyễn An Thịnh², Lê Ngọc Ánh

¹*Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 61 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 5 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 8 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2021

Tóm tắt: Dán nhãn sinh thái của khu dự trữ sinh quyển là việc sử dụng biểu trưng (logo) của khu dự trữ sinh quyển kèm với các điều kiện (tiêu chí) sinh thái, môi trường và các yếu tố khác để gắn cho sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu. Giá trị nhãn sinh thái chính là giá trị về môi trường sinh thái, đa dạng sinh học của khu dự trữ sinh quyển (DTSQ). Bài viết này cung cấp cơ sở lý luận về tăng trưởng xanh, nhãn sinh thái; xác định định hướng xây dựng nền kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại các khu DTSQ trên cơ sở bám sát mục tiêu, định hướng của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; đồng thời đề xuất khung điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái nhằm thúc đẩy kinh tế xanh tại các khu vực này nhằm đáp ứng chủ trương phát triển bền vững của Việt Nam và UNESCO về tăng trưởng xanh tại các khu DTSQ được UNESCO công nhận.

Từ khóa: Nhãn sinh thái, kinh tế xanh, khu dự trữ sinh quyển.

1. Đặt vấn đề

Theo “Chương trình Con người và Sinh quyển” của UNESCO (MAB UNESCO) [1], các khu DTSQ được chia thành 3 vùng chức năng chính: (i) Vùng lõi: Nhằm bảo tồn lâu dài đa dạng loài, các cảnh quan, hệ sinh thái; (ii) Vùng đệm: Nằm bao quanh hoặc tiếp giáp vùng lõi, có thể tiến hành các hoạt động kinh tế, nghiên cứu, giáo dục và giải trí ở vùng này nhưng không ảnh hưởng đến vùng lõi; (iii) Vùng chuyển tiếp: Nằm ở ngoài cùng, tại vùng này các hoạt động kinh tế vẫn duy trì bình thường trên cơ sở phát triển bền vững nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên mà khu DTSQ đem lại. Như vậy, từ cách phân vùng chức năng khu DTSQ của MAB UNESCO, có thể

khẳng định khu vực vùng đệm, vùng lõi là nơi diễn ra các hoạt động kinh tế, bao gồm: kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp và kinh tế du lịch dịch vụ; nếu không được kiểm soát tốt thì các ngành kinh tế này có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống của cư dân, hệ sinh thái tại vùng đệm, vùng chuyển tiếp cũng như tác động đến công tác bảo tồn ở khu vực vùng lõi của khu DTSQ.

Theo Hà Văn Định và cộng sự [2], bản chất dán nhãn sinh thái của khu DTSQ chính là việc sử dụng hình ảnh biểu trưng (logo) của khu DTSQ kèm với các điều kiện (tiêu chí) sinh thái, môi trường và các yếu tố khác do khu DTSQ đó quy định để gắn cho sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu. Xét về góc độ kinh tế môi trường

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: kyanhpvkt@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4430>

thì Nguyễn Thế Chinh [3] cho rằng nhân sinh thái chính là một trong những công cụ kinh tế chủ yếu trong quản lý môi trường.

Theo Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc UNEP [4], kinh tế xanh (KTX) là “nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Đó là nền kinh tế ít phát thải các-bon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đảm bảo công bằng xã hội”. Theo Lê Văn Khoa [5], tính bền vững là một mục tiêu dài hạn quan trọng nhưng xanh hóa nền kinh tế là phương tiện đưa chúng ta mau chóng tới đích. Như vậy, nền KTX là một chiến lược phát triển kinh tế để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào xây dựng được bộ khung các điều kiện/tiêu chí để dán nhãn sinh thái nhằm thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu DTSQ thế giới theo hướng kinh tế xanh nhằm thực hiện chủ trương bảo tồn và phát triển bền vững của MAB UNESCO. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phát huy vai trò của nhân sinh thái để phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm, vùng chuyển tiếp của khu DTSQ đã được UNESCO công nhận.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Theo Trần Thu Hoài [6], ý tưởng về nền KTX, một nền kinh tế vừa thỏa mãn nhu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa giải quyết được những thách thức về môi trường đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến từ khá sớm. Hầu hết các nghiên cứu đều thống nhất quan điểm, xu hướng phát triển kinh tế xanh tập trung vào ba trụ cột chính gồm công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Cụ thể:

- Xu hướng phát triển công nghiệp xanh: Xu hướng phát triển công nghiệp xanh tập trung vào hai mục tiêu chính là hạn chế phát thải khí CO₂, hóa chất độc hại từ các khu công nghiệp, khu chế xuất ra ngoài môi trường; đồng thời, nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng mới, máy móc kỹ thuật mới thân thiện với môi trường.

- Xu hướng nông nghiệp xanh: Mục tiêu của nông nghiệp xanh là gia tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, đồng thời bảo đảm các giá trị “xanh” đối với môi trường và “an toàn” đối với con người.

- Dịch vụ xanh: Một trong những tiêu chí hàng đầu của du lịch xanh được đưa ra là “Dịch vụ du lịch kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên”.

Theo Hà Văn Định và cộng sự [2], giá trị nhân sinh thái chính là giá trị về môi trường sinh thái, đa dạng sinh học của khu DTSQ, ví dụ nhân của khu DTSQ Cát Bà có sử dụng biểu trưng là con voọc Cát Bà, biểu trưng điều kiện sinh thái được đảm bảo cho sự sinh trưởng của loài voọc, hay chính là sự khẳng định môi trường sinh thái được duy trì tương đối tốt trong khu DTSQ. Horne [7] kết luận rằng dán nhãn sinh thái có thể dẫn đến giảm dần các tác động tiêu cực đến môi trường.

Để phát huy vai trò nhân sinh thái cho việc phát triển kinh tế xanh thì cần bám sát việc phân vùng chức năng khu DTSQ của UNESCO, đồng thời phải làm rõ các hoạt động chứng nhận ưu tiên cho các sản phẩm, dịch vụ cho từng vùng chức năng dựa vào đặc trưng của các khu DTSQ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập và tham khảo thông tin thứ cấp

Nhóm tác giả đã thu thập thông tin trên cơ sở kế thừa, tham khảo các nguồn tài liệu thứ cấp như: đề tài, dự án; tài liệu hội thảo; tài liệu, thông tin từ website; tài liệu của UNESCO, MAB Việt Nam, bài báo khoa học, tài liệu của các khu DTSQ...

2.2.2. Phương pháp xây dựng khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái

Cách tiếp cận và phương pháp xây dựng các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái trong bài viết được sử dụng trên cơ sở tham khảo tài liệu tổng kết tiêu chí dán nhãn sinh thái của UNESCO và quy định về các hoạt động tại vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại Khu DTSQ [8], nghiên cứu của Hà Văn Định và cộng sự [2] về thúc đẩy dán nhãn sinh thái tại các khu DTSQ.

Trong đó, có một số định hướng chung cho việc dán nhãn sinh thái như sau:

- Các sản phẩm và dịch vụ được sản xuất và vận hành trong phạm vi địa lý của khu DTSQ.
- Các sản phẩm chế biến gắn với nguồn nguyên liệu, sử dụng lao động tại chỗ.
- Sản phẩm sau khi được sử dụng có thể phân hủy thành các chất hữu cơ làm giàu cho đất.
- Sản phẩm được làm từ nguyên liệu tái chế, tái sử dụng.
- Sản xuất công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, giảm thiểu phát thải.
- Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo pháp luật nước sở tại và quy định của địa phương có không gian địa lý nằm trong ranh giới của khu DTSQ.
- Sử dụng ít tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng được thu hồi.
- Lý tưởng nhất là các sản phẩm đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia.

Trên cơ sở tham khảo các định hướng chung vừa nêu, kết hợp với chủ trương, chính sách của Việt Nam, điều kiện thực tiễn tại các khu DTSQ của Việt Nam, nghiên cứu đề xuất khung điều kiện/tiêu chuẩn dán nhãn sinh thái phù hợp.

2.2.3. Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia

Kết quả nghiên cứu được tham vấn ý kiến các chuyên gia của Ủy ban Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB Việt Nam), chuyên gia về môi trường, chuyên gia kinh tế, chuyên gia về bảo tồn đa dạng sinh học.

Bảng 1: Thành phần, số lượng chuyên gia được tham vấn

TT	Nhóm chuyên gia	Số lượng (người)	Hình thức tham vấn
1	Chuyên gia của MAB Việt Nam	5	Tham vấn bằng phiếu
2	Chuyên gia về môi trường	5	Tham vấn bằng phiếu
3	Chuyên gia về kinh tế	5	Tham vấn bằng phiếu
4	Chuyên gia về bảo tồn đa dạng sinh học	5	Tham vấn bằng phiếu

Nguồn: Nhóm tác giả.

Nội dung tham vấn chủ yếu là khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái nhằm thúc đẩy kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu DTSQ. Dự thảo khung điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái sẽ được gửi kèm với phiếu tham vấn tới các chuyên gia để xin ý kiến. Sau khi có các ý kiến tham vấn bằng phiếu, nhóm tác giả tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến các chuyên gia, dự thảo khung tiếp tục được xin ý kiến bằng phiếu lần hai và tiếp thu, hoàn thiện.

2.3. Kỹ thuật sử dụng

Sử dụng phần mềm Excel để xử lý số liệu từ quá trình tham vấn ý kiến chuyên gia.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Xây dựng nền kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại các khu DTSQ thế giới

Theo MAB UNESCO [8], từ năm 1971 tới nay, trên thế giới đã có 701 khu DTSQ (tại 124 quốc gia) được UNESCO công nhận, còn tại Việt Nam có 9 khu DTSQ được UNESCO công nhận [9]. Việc định hướng phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại các khu KDSQ tại Việt Nam góp phần cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh được phê duyệt tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 [10]. Chiến lược gồm ba mục tiêu chính: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái; (ii) Xanh hóa sản xuất; (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Đối với các khu DTSQ trên cạn thì nông nghiệp là một trong những nguồn sinh kế chính của người dân, nhất là đối với các đồng bào dân tộc thiểu số (đặc biệt tại khu vực vùng đệm). Mỗi khu DTSQ đều có những sản phẩm đặc trưng nhất định. Định hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế xanh theo Chiến lược quốc gia về kinh tế xanh [10] và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn [11] như sau:

- Nghiên cứu, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn,

vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước... và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ đầu tư cho các đề tài, dự án nghiên cứu, thí điểm và phổ biến công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas, than sinh học (biochar), phân bón hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản xuất và giảm phát thải ô nhiễm; xử lý và tái sử dụng bùn thải trong nuôi trồng thủy sản.

- Nghiên cứu và phát triển các loại thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học (pre và probiotic, enzyme...) kháng sinh từ thực vật để thay thế kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi, giảm phát thải khí nhà kính từ đường tiêu hóa, giảm bài tiết nitơ, photpho trong phân và nước tiểu, tăng tiêu hóa và hấp thu thức ăn và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế để nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 45% vào năm 2020, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO₂, tăng sinh khối rừng; Thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững.

Phát triển kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với lợi thế về tài nguyên của từng khu DTSQ, ví dụ tại khu DTSQ miền Tây Nghệ An: Sản xuất rượu Mú Tùn, chế biến tinh bột nghệ, sản xuất bột sắn dây, sản phẩm dệt thổ cẩm, mây tre đan [12]; tại Khu DTSQ Đồng Nai: Chế biến gỗ công nghiệp, sản xuất rượu mật nhân, rượu bưởi, sản xuất gốm sứ, gỗ mỹ nghệ [13]... Bên cạnh những sản phẩm gắn với lợi thế về tài nguyên thì một số địa phương tại khu vực vùng chuyển tiếp của khu DTSQ đang phát triển mạnh các khu, cụm công nghiệp. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu định hướng phát triển theo hướng kinh tế xanh. Một số giải pháp để phát triển ngành công nghiệp theo hướng kinh tế xanh theo Chiến lược quốc gia như sau:

- Rà soát quy hoạch tổng thể phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là những ngành tác động nhiều tới tài nguyên, môi trường, có hiệu quả sử dụng vốn và tài nguyên không cao, đề xác định yêu cầu xanh hóa sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài

nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả vào các quy hoạch ngành hiện có và quy hoạch mới.

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đưa nội dung sản xuất sạch hơn vào chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp.

- Nâng cao năng lực cho các cơ quan chuyên trách về sản xuất sạch hơn tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức tư vấn và cơ sở sản xuất công nghiệp trong việc áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Phát triển mạng lưới các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, tổ chức hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ xanh, sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại thân thiện với môi trường.

- Ban hành chính sách hỗ trợ đặc biệt về kinh tế - kỹ thuật và khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân áp dụng kỹ thuật và công nghệ cao, phù hợp để khuếch trương và phát triển một số sản phẩm xanh truyền thống chủ lực mà Việt Nam có thế mạnh.

Về du lịch dịch vụ xanh, nhìn chung lĩnh vực này đã được chú trọng tại các khu DTSQ tại Việt Nam, nhất là các loại hình du lịch gắn với cảnh quan thiên nhiên, văn hóa bản địa và tôn trọng công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Ví dụ, tại khu DTSQ miền Tây Nghệ An gồm: du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, du lịch mạo hiểm...; tại khu DTSQ Đồng Nai gồm: hệ thống nhà hàng, khách sạn, du lịch trải nghiệm trên hồ thủy điện Trị An...; tại khu DTSQ Cát Bà gồm: dịch vụ tàu thuyền, nhà hàng khách sạn...

3.2. Đề xuất khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái để phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại khu DTSQ thế giới của Việt Nam

3.2.1. Cơ sở đề xuất khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái

- Căn cứ vào tính chất, chức năng vùng đệm, vùng chuyển tiếp của khu DTSQ được UNESCO công nhận [1].

- Căn cứ vào cơ sở lý luận trình bày ở trên.
- Căn cứ vào phương pháp xây dựng khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái ở trên.
- Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trình bày ở trên.
- Căn cứ vào Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh [10].
- Căn cứ vào ý kiến tham vấn của các chuyên gia.

3.2.2. Đề xuất khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái để phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại khu DTSQ thế giới của Việt Nam

Trên cơ sở định hướng chung cho việc dán nhãn sinh thái [8, 14] và việc thực hiện kế hoạch Lima (2016-2025) của UNESCO/MAB [15] về phát triển bền vững khu DTSQ (đặc biệt tại vùng đệm và vùng chuyển tiếp) và cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại các khu DTSQ thế giới tại Việt Nam [10] và cơ sở đề xuất ở trên, nhóm tác giả đã đề xuất khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái nhằm thúc đẩy kinh tế xanh. Đây sẽ là nguồn tài liệu cho các khu DTSQ tham khảo để xây dựng bộ tiêu chí dán nhãn sinh thái phù hợp với đặc thù từng khu (Bảng 2).

Bảng 2: Đề xuất khung các điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái nhằm thúc đẩy kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu DTSQ

TT	Các ngành kinh tế định hướng phát triển theo hướng kinh tế xanh	Đề xuất khung điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái của khu DTSQ	
		Vùng đệm của khu DTSQ	Vùng chuyển tiếp của khu DTSQ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ngành nông nghiệp	(1) Ưu tiên dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm nông nghiệp canh tác theo hướng hữu cơ truyền thống, các sản phẩm được khai thác bền vững từ thiên nhiên (ví dụ: các loài dược liệu, rau rừng, các thực phẩm khác có nguồn gốc từ thiên nhiên...) (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).	(1) Các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản phải được sản xuất theo hướng sạch, thân thiện với môi trường đáp ứng được các điều kiện chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm như: chứng nhận VietGAP, chứng nhận hữu cơ và các tiêu chuẩn khác tương đương (100% ý kiến chuyên gia đồng ý). (2) Bên cạnh đó, dán nhãn sinh thái cần ưu tiên cho các vùng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản áp dụng công nghệ mới, sử dụng nước tiết kiệm và giảm thiểu phát thải khí nhà kính (95% ý kiến chuyên gia đồng ý). (3) Phát triển sản xuất ngành nông nghiệp phải đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, không ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng dân cư và các vùng chức năng xung quanh (95% ý kiến chuyên gia đồng ý). (4) Ưu tiên các sản phẩm sản xuất, đóng gói theo chuỗi xanh, không sử dụng các sản phẩm túi nilon, các loại nhựa hoặc vật liệu khó phân hủy (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).
2	Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	(1) Ưu tiên dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp chế biến gắn với nguồn nguyên liệu, sử dụng lao động tại chỗ; các sản phẩm	Vùng chuyển tiếp là vùng phát triển mạnh đa ngành công nghiệp, nhất là tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp. Đề xuất các điều kiện/tiêu chí dán nhãn như sau:

TT	Các ngành kinh tế định hướng phát triển theo hướng kinh tế xanh	Đề xuất khung điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái của khu DTSQ	
		Vùng đệm của khu DTSQ	Vùng chuyển tiếp của khu DTSQ
(1)	(2)	(3)	(4)
		<p>cần phải đảm bảo về các điều kiện sản xuất kinh doanh, an toàn thực phẩm và các quy định về môi trường trong quá trình chế biến (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(2) Ưu tiên dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm được xử lý, chế biến từ các phụ phẩm, phế phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch (90% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p>	<p>(1) Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường, quy định về điều kiện kinh doanh, quy định về nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật của Việt Nam (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(2) Ưu tiên các ngành công nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất sạch, giảm phát thải khí nhà kính (95% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(3) Ưu tiên các ngành công nghiệp sử dụng ít tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng được thu hồi (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(4) Các sản phẩm vứt bỏ sau sử dụng có thể tự phân hủy ra môi trường, trả lại dinh dưỡng cho đất (90% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p>
3	Du lịch, dịch vụ	<p>(1) Ưu tiên dán nhãn sinh thái đối với các hoạt động du lịch, dịch vụ thân thiện với môi trường gắn với việc quảng bá hình ảnh về công tác bảo tồn của khu DTSQ: du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, du lịch thiện nguyện, hệ thống homestay, dịch vụ du thuyền (đối với các khu DTSQ có biển, đảo...) (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(2) Các công ty, đơn vị tham gia kinh doanh các loại hình dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện sản xuất, kinh doanh, vệ sinh môi trường,... (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p>	<p>(1) Tại khu vực vùng chuyển tiếp của khu DTSQ, các loại hình du lịch dịch vụ rất đa dạng, phong phú, các sản phẩm được gắn nhãn sinh thái của khu DTSQ nên ưu tiên cho các hoạt động gắn kết, hỗ trợ cho hoạt động du lịch, dịch vụ tại vùng chuyển tiếp để tạo ra các tour du lịch bền vững, tuor du lịch “xanh” với các hoạt động du lịch của khu DTSQ (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, đơn vị tham gia hoạt động phải đảm bảo thêm các tiêu chí khác như sau:</p> <p>(2) Có giấy phép về hoạt động phát triển du lịch, dịch vụ (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(3) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường: cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường (100% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p> <p>(4) Các dịch vụ hỗ trợ du lịch đảm bảo ít phát sinh rác thải, sử dụng nguyên liệu sạch, nguyên liệu tái chế, ít tác động đến tài nguyên tại khu vực vùng lõi, vùng chuyển tiếp (95% ý kiến chuyên gia đồng ý).</p>

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Phát triển nhãn sinh thái có thể được coi là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển

kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp tại các khu DTSQ thế giới. Phát triển kinh tế xanh tại vùng đệm, vùng chuyển tiếp của khu DTSQ góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của MAB UNESCO và cụ thể hóa

chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam tại các khu DTSQ được UNESCO công nhận.

4.2. Khuyến nghị

Việc đề xuất khung điều kiện/tiêu chí dán nhãn sinh thái để hỗ trợ thúc đẩy kinh tế xanh chủ yếu dựa trên các yếu tố về sinh thái, môi trường có thể là tài liệu tham khảo cho việc xây dựng bộ tiêu chí nhãn sinh thái cho các sản phẩm/dịch vụ của khu DTSQ (vì nhãn sinh thái của khu DTSQ gồm nhiều các yếu tố khác: văn hóa, bảo tồn đa dạng sinh học, tích hợp các loại nhãn hiệu chứng nhận khác...). Để lượng hóa đóng góp về mặt giá trị nhãn sinh thái đối với thúc đẩy phát triển kinh tế xanh tại các khu DTSQ của Việt Nam thì cần phải có những nghiên cứu xây dựng mô hình cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- [1] MAB UNESCO, Good practices on Applying Eco-labelling in Asia and Pacific Biosphere Reserves, 2019b, 47 pages.
- [2] Ha Van Dinh et al., "State-level Theory Report: Research the Current Situation, Needs, Proposals and Application of Construction Models, Using and Managing Ecological Labels for Products and Services in the World Biosphere Reserve (DTSQ) of Vietnam," *Institute of Agricultural Planning and Design, Ministry of Agriculture and Rural Development*, 2020 (in Vietnamese).
- [3] Nguyen The Chinh, *Textbook on Environmental Economics and Management*, Statistical Publishing House, 2003 (in Vietnamese).
- [4] UNEP, *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication*, Geneva: United Nations Environment Programme (UNEP), 2011.
- [5] Le Van Khoa, "Building the Orientation of Developing the Green Economy - Climate Change Response Solution," *Environment Magazine*, No. 2/2014 (in Vietnamese).
- [6] Nguyen Thi Thu Hoai, "Trend of Developing Green Economy in Vietnam," *Review of Finance*, Issue 2 (173) (September, 2019), 5-7.
- [7] Horne, R., "Limits to Labels: The Role of Eco-labels in the Assessment of Product Sustainability and Routes to Sustainable Consumption," *International Journal of Consumer Studies*, 33 (2009) 175-182.
- [8] UNESCO/MAB, "Ecological Sciences for Sustainable Development. Biosphere Reserves - Learning Sites for Sustainable Development," 2019a, <http://www.unesco.org/new/en/natural-sciences/environment/ecological-sciences/biosphere-reserves/> (Access 10 September, 2019).
- [9] Ha Van Dinh et al., "The Role of the World Biosphere Reserves in the Minimization of Plastic Waste - Case Study in the World Biosphere Reserve of Cu Lao Cham - Hoi An," *Proceedings of the International Scientific Conference: Marine Plastic Pollution in Vietnam*, Vietnam National University Press, Hanoi, 2019a, pp. 280-294 (in Vietnamese).
- [10] Prime Minister, Decision No. 1393/QĐ-TTg of September 25, 2009, Approving the National Strategy on Green Growth, 2009 (in Vietnamese).
- [11] Ministry of Agriculture and Rural Development, Decision No. 923/QĐ-BNN-KH dated 24/3/2017 Approving the Green Growth Action Plan of the Agriculture and Rural Development Sector up to 2020 (in Vietnamese).
- [12] Management Board of Western Nghe An's Biosphere Reserve, "Exploring Western Nghe An Biosphere Reserve," 2019 (in Vietnamese).
- [13] Management Board of Dong Nai's Biosphere Reserve, "Potential Products and Services Can be Labeled with Eco-Labels of Dong Nai Biosphere Reserve," 2019 (in Vietnamese).
- [14] Ha Van Dinh et al., "Promoting Eco-Labeling and Reducing Plastic Waste in Vietnam's World Biosphere Reserves," *Proceedings of the International Scientific Conference: Marine Plastic Pollution in Vietnam*, Vietnam National University Press, Hanoi, 2019b, pp. 267-279 (in Vietnamese).
- [15] UNESCO/MAB, "A New Roadmap for the Man and the Biosphere (MAB) Programme and its World Network of Biosphere Reserves," Paris: UNESCO, <http://unesdoc.unesco.org/images/0024/002474/247418E.pdf>, 2017 (Accessed 9 September, 2019).